

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Phú Yên theo Quyết định số 69/KH – UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3604000018, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4400115690 ngày 15 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 9 năm 2014 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh nhà máy nước.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 9 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc tăng vốn điều lệ từ 236.000.000.000 VND lên thành 383.981.790.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
- Điện thoại : 0257.3823557
- Fax : 0257.3828388

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gổỉ đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, côn, cút, tê (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) <mã ngành 3700>.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Phú Liệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2016
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Xuân Triết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Bà Nguyễn Thế Thanh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Hoàng Long	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2019
Ông Lê Xuân Triết	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Đặng Đức Hoàng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2019
Ông Đặng Đức Hoàng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bà Trần Thị Lục Hà	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Phú Liệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2016
Ông Đỗ Hoàng Long	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2019
Ông Lê Xuân Triết	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc,



Đỗ Hoàng Long
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv.hcm@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Vũ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lê Thị Ngọc H., Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 13-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ctjia-a-c.com.vn

Số: 3.0045/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2020, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 06 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0192-2018-008-1



Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 02 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		239.472.633.526	90.453.804.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.793.192.195	27.576.946.871
1. Tiền	111		5.293.192.195	5.576.946.871
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.500.000.000	22.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		176.898.241.099	44.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	176.898.241.099	44.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.442.395.484	9.985.903.159
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.072.398.765	5.973.755.558
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	226.746.400	881.943.201
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.461.345.171	3.441.068.207
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(323.779.568)	(310.863.807)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	5.684.716	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.476.252.564	3.917.100.183
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.476.252.564	3.917.100.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.862.552.184	4.173.854.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	166.825.812	160.940.792
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	156.600.086
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	4.695.726.372	3.856.313.776
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.429.095.620	301.717.451.596
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		274.473.361.916	293.534.641.562
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	274.087.489.828	292.925.900.807
- Nguyên giá	222		544.223.471.564	541.083.115.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.135.981.736)	(248.157.214.655)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	385.872.088	608.740.755
- Nguyên giá	228		1.382.893.889	1.382.893.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(997.021.801)	(774.153.134)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		43.672.373.744	2.817.886.085
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	43.672.373.744	2.817.886.085
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.283.359.960	5.364.923.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.256.023.246	4.917.587.235
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	420.000.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.14	27.336.714	27.336.714
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		560.901.729.146	392.171.256.463

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		131.538.773.874	131.396.417.050
I. Nợ ngắn hạn	310		40.252.631.756	26.779.880.588
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	20.314.827.052	4.527.472.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	19.305.239	19.252.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	697.276.450	712.918.955
4. Phải trả người lao động	314	V.18	2.529.779.034	3.727.539.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	778.057.223	865.642.150
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	1.676.399.933	1.013.951.765
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	13.330.394.344	13.330.394.344
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	-	2.100.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	906.592.481	482.708.882
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		91.286.142.118	104.616.536.462
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	91.286.142.118	104.616.536.462
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		429.362.955.272	260.774.839.413
I. Vốn chủ sở hữu	410		429.362.955.272	260.774.839.413
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	383.981.790.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		383.981.790.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	8.798.241.099	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	15.000.394.589	9.120.898.322
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	21.582.529.584	15.653.941.091
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.214.578.441	15.653.941.091
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.367.951.143	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		560.901.729.146	392.171.256.463


Phú Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập



Nguyễn Thị Xuân Tựu
Phụ trách kế toán



Đỗ Hoàng Long
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

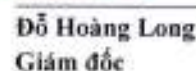
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	107.274.137.282	97.915.136.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.279.018	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.269.858.264	97.915.136.473
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	59.972.202.738	42.195.482.503
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.297.655.526	55.719.653.970
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.949.987.869	3.465.925.177
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.885.594.999	7.696.527.326
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.885.594.999	7.696.527.326
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13.207.918.455	24.276.155.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.084.052.068	8.836.516.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.070.077.873	18.376.379.724
11. Thu nhập khác	31	VI.8	616.431.656	5.508.806.167
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.643.383.556	4.577.352.952
13. Lợi nhuận khác	40		(1.026.951.900)	931.453.215
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.043.125.973	19.307.832.939
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	2.236.387.319	923.682.217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	420.000.000	149.000.000
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.386.738.654	18.235.150.722
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	696	740
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	696	740



Phú Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2020


 Nguyễn Thị Xuân Tựu
 Người lập


 Nguyễn Thị Xuân Tựu
 Phụ trách kế toán


 Đỗ Hoàng Long
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.043.125.973	19.307.832.939
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11	24.511.233.981	23.783.642.259
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 22	(2.087.084.239)	2.410.863.807
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 9	(9.696.908.814)	(3.451.964.448)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	6.885.594.999	7.696.527.326
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.655.961.900	49.746.901.883
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.102.650.062)	(4.412.253.051)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.8, 14	1.440.847.619	(1.091.419.647)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(71.963.792)	2.474.931.851
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.9	1.655.678.969	(170.999.900)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(6.971.532.055)	(7.782.464.378)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.904.909.031)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.23	5.560.000	4.870.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(720.967.645)	(2.365.903.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.890.934.934	33.498.753.933
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(34.475.950.142)	(8.925.126.632)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.739.546	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(257.570.031.099)	(75.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		125.471.790.000	64.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	7.879.372.230	3.498.390.065
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(158.690.079.465)	(16.226.736.567)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24	156.780.031.099	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a	(13.330.394.344)	(13.330.394.344)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.434.246.900)	(9.428.007.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		130.015.389.855	(22.758.401.594)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.216.245.324	(5.486.384.228)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.576.946.871	33.063.331.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	41.793.192.195	27.576.946.871

Phú Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2020




Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập


Nguyễn Thị Xuân Tựu
Phụ trách kế toán


Đỗ Hoàng Long
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gói đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, côn, cút, té (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) <mã ngành 3700>.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tăng vốn điều lệ, Công ty đã thực hiện xong phương án tăng vốn điều lệ từ 236.000.000.000 VND lên thành 383.981.790.000 VND. Thông tin chi tiết về tăng vốn được trình bày tại thuyết minh số V.23.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 9,56% so với năm trước chủ yếu do sản lượng nước tiêu thụ tăng. Lợi nhuận trước thuế tăng 44,7% so với năm trước chủ yếu do lãi tiền kỳ hạn tăng mạnh so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 213 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 209 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thay thế đầu nổi và giấy phép quyền khai thác nước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thay thế đầu nổi

Chi phí thay thế đầu nổi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Từ năm 2019, Công ty thay đổi thời gian phân bổ chi phí thay thế đầu nổi từ 2 năm xuống còn 1 năm cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Giấy phép quyền khai thác nước

Chi phí cấp phép quyền khai thác nước phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn hiệu lực được cấp phép.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 15
Tài sản cố định khác	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác ở công ty là hệ thống mạng quản lý và phòng hóa nghiệm theo tiêu chuẩn ISO. Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống vào sử dụng. Các tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội Đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tiền mặt	28.797.268		111.355	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.264.394.927		5.576.835.516	
Các khoản tương đương tiền	36.500.000.000		22.000.000.000	
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	36.500.000.000		22.000.000.000	
Cộng	41.793.192.195		27.576.946.871	

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	176.898.241.099	176.898.241.099	44.800.000.000	44.800.000.000
Cộng	176.898.241.099	176.898.241.099	44.800.000.000	44.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.366.494.350	4.366.494.350
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	4.366.494.350	4.366.494.350
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	4.705.904.415	1.607.261.208
Phòng Quản lý đô thị thành phố Tuy Hòa	2.415.673.873	-
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	1.283.432.609	1.051.291.713
Các khách hàng khác	1.006.797.933	555.969.495
Cộng	9.072.398.765	5.973.755.558

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển Sài Gòn	210.746.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 12	-	574.296.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Lâm	-	300.000.000
Các nhà cung cấp khác	16.000.000	7.647.201
Cộng	226.746.400	881.943.201

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	3.675.284.088	-	625.713.554	-
Tạm ứng	26.900.000	-	94.206.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	600.000.000	-	1.200.000.000	-
Phải thu tiền nước tại các trạm cấp nước	-	-	1.063.933	-
Phải thu tiền thi công xây dựng tại xí nghiệp trực thuộc	-	-	1.407.633.243	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	159.161.083	-	112.451.477	-
Cộng	4.461.345.171	-	3.441.068.207	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		435.616.256	111.836.688		452.188.652	141.324.845
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	Trên 6 tháng	349.116.256	55.036.688	Trên 6 tháng	350.757.812	73.095.593
Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn Cầu	Trên 6 tháng	86.500.000	56.800.000	Chưa quá hạn	54.000.000	54.000.000
Trung tâm Phát triển Quý đất huyện Đồng Xuân		-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	47.430.840	14.229.252
Cộng		435.616.256	111.836.688		452.188.652	141.324.845

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	310.863.807	-
Trích lập dự phòng bổ sung	12.915.761	310.863.807
Số cuối năm	323.779.568	310.863.807

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho thiếu theo biên bản kiểm kê.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.312.926.584	-	3.200.040.184	-
Công cụ, dụng cụ	13.291.000	-	19.320.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	139.171.295	-	692.210.098	-
Thành phẩm	10.863.685	-	5.529.901	-
Cộng	2.476.252.564	-	3.917.100.183	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	34.730.988	12.034.502
Chi phí bảo hiểm	89.266.532	52.022.225
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.828.292	96.884.065
Cộng	166.825.812	160.940.792

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	617.386.219	612.856.403
Chi phí thay thế đầu nối	1.810.308.517	3.717.742.877
Giấy phép khai thác nước	34.515.147	83.705.853
Các chi phí trả trước dài hạn khác	793.813.363	503.282.102
Cộng	3.256.023.246	4.917.587.235

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	116.015.301.524	45.462.741.842	378.695.010.277	873.602.728	36.459.091	541.083.115.462
Mua trong năm	-	680.626.364	-	70.909.091	-	751.535.455
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.246.583.787	1.171.491.468	3.517.117.121	-	-	5.935.192.376
Thanh lý, nhượng bán	(2.064.641.938)	(1.391.617.973)	-	(90.111.818)	-	(3.546.371.729)
Số cuối năm	115.197.243.373	45.923.241.701	382.212.127.398	854.400.001	36.459.091	544.223.471.564

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	994.820.862	3.813.592.534	854.967.405	159.774.545	36.459.091	5.859.614.437
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	59.959.406.844	25.540.762.158	162.106.922.215	513.664.347	36.459.091	248.157.214.655
Khấu hao trong năm	5.567.681.689	3.792.190.102	14.817.189.237	111.304.286	-	24.288.365.314
Thanh lý, nhượng bán	(1.350.398.312)	(869.088.103)	-	(90.111.818)	-	(2.309.598.233)
Số cuối năm	64.176.690.221	28.463.864.157	176.924.111.452	534.856.815	36.459.091	270.135.981.736
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	56.055.894.680	19.921.979.684	216.588.088.062	359.938.381	-	292.925.900.807
Số cuối năm	51.020.553.152	17.459.377.544	205.288.015.946	319.543.186	-	274.087.489.828
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Quyền khai thác tài nguyên nước	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	381.500.000	544.507.253	456.886.636	1.382.893.889
Số cuối năm	381.500.000	544.507.253	456.886.636	1.382.893.889
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	190.000.000	-	66.876.238	256.876.238
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	271.298.811	295.806.050	207.048.273	774.153.134
Khấu hao trong năm	74.837.855	108.901.452	39.129.360	222.868.667
Số cuối năm	346.136.666	404.707.502	246.177.633	997.021.801
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	110.201.189	248.701.203	249.838.363	608.740.755
Số cuối năm	35.363.334	139.799.751	210.709.003	385.872.088

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang chi phí trả trước</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	751.535.455	(751.535.455)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.817.886.085	47.520.762.959	(5.935.192.374)	(731.082.926)	43.672.373.744
- <i>Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa</i>	1.741.446.721	41.067.910.415	-	-	42.809.357.136
- <i>Lắp đặt hệ thống quản lý mạng lưới cấp nước SCADA cho các nhà máy</i>	38.363.636	769.942.022	(801.124.222)	(7.181.436)	-
- <i>Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu</i>	372.361.454	-	-	-	372.361.454
- <i>Cải tạo mạng lưới cấp nước nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh</i>	138.268.074	2.500.656.470	(2.617.303.679)	(8.397.229)	13.223.636
- <i>Phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư Tuy Hòa</i>	64.331.817	915.772.376	(980.104.193)	-	-
- <i>Các công trình khác</i>	463.114.383	2.266.481.676	(1.536.660.280)	(715.504.261)	477.431.518
Cộng	2.817.886.085	48.272.298.414	(6.686.727.829)	(731.082.926)	43.672.373.744

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến hoàn nhập quỹ lương dự phòng vào kết quả kinh doanh.

14. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Giá trị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn còn tồn kho.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	10.244.684.800	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	8.798.149.805	851.806.800
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	-	669.900.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thu Quân	139.880.000	595.439.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Xây dựng TDA	47.102.400	482.610.400
Các nhà cung cấp khác	1.085.010.047	1.927.716.392
Cộng	20.314.827.052	4.527.472.592

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Tú	19.252.000	19.252.000
Các khách hàng khác	53.239	-
Cộng	19.305.239	19.252.000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	39.872.000	(1.438.247.128)	(1.637.552.787)	-	-3.115.671.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.816.441.776	2.236.387.319	-	-	-1.580.054.457
Thuế thu nhập cá nhân	2.680.197	-	154.506.060	(128.307.942)	28.878.315	-
Thuế tài nguyên	178.171.740	-	1.838.750.220	(1.924.282.340)	92.639.620	-
Thuế nhà đất	628.754	-	20.540.763	(20.540.763)	628.754	-
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	531.438.264	-	7.614.180.137	(7.570.488.640)	575.129.761	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	220.792.343	(220.792.343)	-	-
Cộng	712.918.955	3.856.313.776	10.653.909.714	(11.508.964.815)	697.276.450	4.695.726.372

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp chế xuất	0%
Khai thác và cung cấp nước sạch	5%
Xây lắp, tư vấn, thiết kế, bán vật tư	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ thu nhập được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực xã hội hóa theo các quy định sau:

- Quy định tại điều 8 và điều 16 nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và theo điều 15, điều 16 và điều 19 nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.
- Quy định tại mục V danh mục, loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại mục VI Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ).
- Hướng dẫn tại văn bản số 3139/CT-TTHT ngày 07 tháng 8 năm 2018 về ưu đãi thuế TNDN đối với lĩnh vực xã hội hóa của Cục thuế tỉnh Phú Yên.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN như sau: được miễn thuế TNDN 4 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại thành phố Tuy Hòa và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 cho các huyện còn lại với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.043.125.973	19.307.832.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.243.379.523	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.100.000.000)	(764.505.794)
Thu nhập chịu thuế	29.186.505.496	18.543.327.145
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.837.301.099	3.708.665.429
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.600.913.780)	(2.784.983.212)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.236.387.319	923.682.217

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với mức thuế suất như sau:

	<u>Giá tính thuế (VND/m³)</u>	<u>Thuế suất</u>
Nước mặt	4.000	1%
Nước ngầm	6.000	5%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% của giá bán nước sạch.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	597.468.380	683.405.436
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	180.588.843	182.236.714
Cộng	778.057.223	865.642.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	13.444.263	-
Kinh phí công đoàn	102.755.885	112.431.801
BHXH, BHYT và BHTN	35.405	35.522
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.215.500	99.750
Kinh phí dự án Unhabitat Sông Cầu	176.530.000	176.530.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.378.418.880	724.854.692
Cộng	<u>1.676.399.933</u>	<u>1.013.951.765</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	13.330.394.344	13.330.394.344
Cộng	<u>13.330.394.344</u>	<u>13.330.394.344</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	13.330.394.344
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	13.330.394.344
Số tiền vay đã trả	(13.330.394.344)
Số cuối năm	<u>13.330.394.344</u>

21b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	91.286.142.118	104.616.536.462
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên ⁽ⁱ⁾</i>	<i>91.286.142.118</i>	<i>104.616.536.462</i>
Cộng	<u>91.286.142.118</u>	<u>104.616.536.462</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

- Hiệp định vay vốn AFD ngày 03 tháng 06 năm 2003 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 2,672.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 32 khoản bằng nhau trong 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 30/04 và 31/10 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 30/10/2008. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hiệp định vay vốn ADB ngày 26 tháng 07 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 10.743.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi phạt chậm trả là 130% lãi suất cho vay tính trên số dư nợ (gốc, lãi, phí) chậm trả, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 32 khoản bằng nhau trong 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 01/06/2010. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	13.330.394.344	13.330.394.344
Trên 1 năm đến 5 năm	53.321.577.376	53.321.577.376
Trên 5 năm	37.964.564.742	51.294.959.086
Cộng	<u>104.616.536.462</u>	<u>117.946.930.806</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	104.616.536.462
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.330.394.344)
Số cuối năm	<u>91.286.142.118</u>

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản dự phòng quỹ tiền lương. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	2.100.000.000
Số sử dụng trong năm	(2.100.000.000)
Số cuối năm	<u>-</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	381.959.941	100.748.941	482.708.882
Trích quỹ từ lợi nhuận năm nay	569.645.622	569.645.622	1.139.291.244
Nhận tiền khen thưởng	5.560.000	-	5.560.000
Chi quỹ trong năm	(321.000.000)	(399.967.645)	(720.967.645)
Số cuối năm nay	<u>636.165.563</u>	<u>270.426.918</u>	<u>906.592.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	236.000.000.000	-	1.695.564.340	11.961.298.708	249.656.863.048
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(9.440.000.000)	(9.440.000.000)
Thuế TNDN năm 2016 và 2017 được miễn giảm	-	-	3.095.334.019	-	3.095.334.019
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.235.150.722	18.235.150.722
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2018	-	-	4.329.999.963	(4.329.999.963)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(772.508.376)	(772.508.376)
Số dư cuối năm trước	236.000.000.000	-	9.120.898.322	15.653.941.091	260.774.839.413
Số dư đầu năm nay	236.000.000.000	-	9.120.898.322	15.653.941.091	260.774.839.413
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	147.981.790.000	8.798.241.099	-	-	156.780.031.099
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(13.439.362.650)	(13.439.362.650)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	26.386.738.654	26.386.738.654
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2019	-	-	5.879.496.267	(5.879.496.267)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(1.139.291.244)	(1.139.291.244)
Số dư cuối năm nay	383.981.790.000	8.798.241.099	15.000.394.589	21.582.529.584	429.362.955.272

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ từ 236.000.000.000 VND lên thành 383.981.790.000 VND từ phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu. Chi tiết như sau:

- Phương án phát hành: Công ty chào bán 15.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành 10.600 VND/cổ phiếu. Tổng số tiền dự kiến thu được là 159.000.000.000 VND.
- Kết quả thực hiện: Công ty bán được 14.798.179 cổ phiếu, giá phát hành 10.600 VND/cổ phiếu, tương ứng số tiền thu được là 156.860.697.400 VND.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 28 tháng 3 năm 2019 do tăng vốn điều lệ từ 236.000.000.000 VND lên thành 383.981.790.000 VND.

Cơ cấu vốn điều lệ trước và sau khi tăng vốn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	228.790.250.000	82.600.000.000
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	147.406.000.000	147.406.000.000
Các cổ đông khác	7.785.540.000	5.994.000.000
Cộng	383.981.790.000	236.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.398.179	23.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.398.179	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.398.179	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.398.179	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.398.179	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số còn phải trích trong năm nay</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	13.439.362.650	-	13.439.362.650
• Trích quỹ đầu tư phát triển	4.329.999.963	4.329.999.963	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	772.508.376	772.508.376	-

Ngoài ra, trong năm 2018 công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ phần lợi nhuận được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 và 2017 với số tiền 3.095.334.019 VND. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

Trong năm Công ty còn tạm trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 5.879.496.267 VND và quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.139.291.244 VND từ lợi nhuận năm 2019.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	431.783.227	406.337.061
Doanh thu cung cấp nước sạch	101.011.425.877	91.443.225.425
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.056.337.674	3.836.295.674
Doanh thu hợp đồng xây dựng và lắp đặt đồng hồ nước	3.774.590.504	2.229.278.313
Cộng	<u>107.274.137.282</u>	<u>97.915.136.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	364.962.951	376.469.840
Giá vốn cung cấp nước sạch	55.520.124.432	38.179.051.791
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.658.542.436	2.004.699.761
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.428.572.919	1.635.261.111
Cộng	<u>59.972.202.738</u>	<u>42.195.482.503</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.928.942.764	3.451.964.448
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	21.045.105	13.960.729
Cộng	<u>10.949.987.869</u>	<u>3.465.925.177</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.885.594.999	7.696.527.326
Cộng	<u>6.885.594.999</u>	<u>7.696.527.326</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.332.739.622	6.411.325.623
Chi phí vật liệu, bao bì	6.092.196.767	4.071.426.138
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	146.193.475	114.132.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	183.784.171	13.331.513.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.510.798	279.601.094
Các chi phí khác	118.493.622	68.157.416
Cộng	<u>13.207.918.455</u>	<u>24.276.155.406</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.578.715.148	5.214.977.982
Chi phí vật liệu quản lý	238.379.232	395.886.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	126.828.171	325.920.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.924.326	559.200.414
Thuế, phí và lệ phí	27.720.763	27.841.393
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.915.761	310.863.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.635.454.597	41.222.675
Các chi phí khác	1.174.114.070	1.960.603.915
Cộng	<u>8.084.052.068</u>	<u>8.836.516.691</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường	209.014.106	368.351.091
Thu nhập từ thanh lý vật tư	187.124.091	-
Thu từ cho thuê mặt bằng	29.545.454	32.727.272
Thu nhập từ tiền di dời Hệ thống cấp nước dọc Quốc lộ 1	-	3.969.540.318
Nhận ngân sách khắc phục bão số 12	-	1.000.000.000
Thu nhập khác	190.748.005	138.187.486
Cộng	<u>616.431.656</u>	<u>5.508.806.167</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.232.033.950	-
Giá vốn vật tư thanh lý	24.887.453	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	540.390	678.309
Chi phí di dời Hệ thống cấp nước dọc Quốc lộ 1	-	3.274.443.699
Chi phí khắc phục bão số 12	-	1.158.644.535
Chi phí khác	385.921.763	143.586.409
Cộng	<u>1.643.383.556</u>	<u>4.577.352.952</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.386.738.654	18.235.150.722
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.139.291.244)	(772.508.376)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	25.247.447.410	17.462.642.346
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	36.289.945	23.600.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>696</u>	<u>740</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.600.000	23.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 02 năm 2019	12.689.945	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>36.289.945</u>	<u>23.600.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.615.974.813	16.744.228.780
Chi phí nhân công	22.607.420.095	23.137.113.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.509.443.824	23.783.642.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.733.597.872	3.906.569.393
Chi phí khác	5.222.239.235	5.058.885.447
Cộng	80.688.675.839	72.630.439.617

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.609.790.500	1.191.008.636
Phụ cấp	255.000.000	274.600.000
Tiền thưởng	3.500.000	35.000.000
Các khoản phúc lợi khác	41.580.000	1.200.000
Cộng	1.909.870.500	1.501.808.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	Cổ đông góp 59,58% vốn điều lệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Cổ đông góp 38,39% vốn điều lệ

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nước Aqua One		
Nhận tiền góp vốn	154.961.665.000	-
Chi trả cổ tức	8.007.658.750	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên		
Chi trả cổ tức	5.159.210.000	5.896.240.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3.

2. **Thông tin về bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.793.192.195	-	41.793.192.195
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	176.898.241.099	-	176.898.241.099
Phải thu khách hàng	8.748.619.197	323.779.568	9.072.398.765
Các khoản phải thu khác	4.434.445.171	-	4.434.445.171
Cộng	231.874.497.662	323.779.568	232.198.277.230
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.576.946.871	-	27.576.946.871
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.800.000.000	-	44.800.000.000
Phải thu khách hàng	5.662.891.751	310.863.807	5.973.755.558
Các khoản phải thu khác	3.346.862.207	-	3.346.862.207
Cộng	81.386.700.829	310.863.807	81.697.564.636

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	20.314.827.052	-	-	20.314.827.052
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	37.964.564.742	104.616.536.462
Các khoản phải trả khác	2.351.665.866	-	-	2.351.665.866
Cộng	35.996.887.262	53.321.577.376	37.964.564.742	127.283.029.380

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	4.527.472.592	-	-	4.527.472.592
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	51.294.959.086	117.946.930.806
Các khoản phải trả khác	1.767.026.842	-	-	1.767.026.842
Cộng	19.624.893.778	53.321.577.376	51.294.959.086	124.241.430.240

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.793.192.195	-	27.576.946.871	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	176.898.241.099	-	44.800.000.000	-
Phải thu khách hàng	9.072.398.765	(323.779.568)	5.973.755.558	(310.863.807)
Các khoản phải thu khác	4.434.445.171	-	3.346.862.207	-
Cộng	232.198.277.230	(323.779.568)	81.697.564.636	(310.863.807)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	20.314.827.052	4.527.472.592
Vay và nợ	104.616.536.462	117.946.930.806
Các khoản phải trả khác	2.351.665.866	1.767.026.842
Cộng	<u>127.283.029.380</u>	<u>124.241.430.240</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Phú Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Xuân Tựu
Phụ trách kế toán



Đỗ Hoàng Long
Giám đốc